

TCVN

TIÊU CHUẨN QUỐC GIA

TCVN 11272:2015

ISO 10957:2009

Xuất bản lần 1

**THÔNG TIN VÀ TƯ LIỆU -
CHỈ SỐ BẢN NHẠC TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ (ISMN)**

Information and documentation - International standard music number (ISMN)

HÀ NỘI - 2015

Lời nói đầu

TCVN 11272:2015 hoàn toàn tương đương với ISO 10957:2009;

TCVN 11272:2015 do Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia TCVN/TC 46 *Thông tin và tư liệu* biên soạn, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng đề nghị, Bộ Khoa học và Công nghệ công bố.

Lời giới thiệu

Chỉ số bản nhạc tiêu chuẩn quốc tế (ISMN) được phát triển bởi và cho ngành xuất bản âm nhạc như một hệ thống riêng để bổ sung cho chỉ số sách tiêu chuẩn quốc tế (ISBN). Sự tồn tại của ISMN là một hệ thống ký hiệu nhận dạng riêng giúp cho việc xác định bản nhạc có chú giải in như một loại ấn phẩm riêng biệt trong chuỗi cung ứng toàn cầu và phát triển các danh bạ thương mại và các dịch vụ tương tự cho thị trường chuyên biệt cho các ấn phẩm âm nhạc. Ngoài ra, một số đặc tính của hệ thống ISBN, như bao gồm các nhóm quốc gia và ngôn ngữ trong cấu trúc của ISBN và quản trị của nó, không phù hợp với thực tiễn và tổ chức của ngành âm nhạc, nơi nội dung ngôn ngữ không có sự liên quan tương tự như với các ấn phẩm văn bản. Vì vậy, cùng với một số lý do thực tế khác, các ISMN và ISBN cùng tồn tại như các hệ thống nhận dạng riêng biệt.

Thông tin và tư liệu - Chỉ số bản nhạc tiêu chuẩn quốc tế

Information and documentation - International standard music number (ISMN)

1 Phạm vi áp dụng

Tiêu chuẩn này quy định chỉ số bản nhạc tiêu chuẩn quốc tế (ISMN), là phương tiện duy nhất để xác định các ấn bản của bản nhạc có ký âm. Tiêu chuẩn quy định việc gán một ISMN duy nhất trên mỗi ấn bản này để có thể phân biệt được một ấn bản của một nhan đề hoặc một phần cụ thể của một ấn bản với các ấn bản khác. Tiêu chuẩn này cũng chỉ rõ cấu trúc của một ISMN và vị trí của chúng trong các ấn bản của bản nhạc có ký âm.

Tiêu chuẩn này cũng áp dụng cho các ấn bản của bản nhạc có ký âm. ISMN cũng có thể sử dụng để phân biệt các ấn bản của bản nhạc có chú giải được trình bày với các phương tiện mang tin khác để tạo thành một nhạc phẩm hoàn chỉnh (ví dụ một ấn bản mà cũng với tư liệu ghi âm tạo thành một sản phẩm duy nhất).

ISMN không phù hợp để nhận dạng tài liệu trên các phương tiện mang tin khác được xuất bản riêng biệt, như các sản phẩm âm thanh hoặc nghe nhìn (như CD hoặc DVD), các tư liệu này áp dụng các tiêu chuẩn khác như TCVN 11271 (ISO 3901) Mã số tiêu chuẩn quốc tế cho tài liệu ghi âm và ISO 15706 Mã số tiêu chuẩn quốc tế cho tài liệu nghe nhìn.

ISMN không dùng để nhận dạng bản thân các sản phẩm (CD hoặc DVD), có thể sử dụng mã vạch 13 chữ số Hệ thống đánh số vật phẩm châu Âu (EAN) cho các sản phẩm này.

2 Tài liệu viện dẫn

Các tài liệu viện dẫn sau rất cần thiết cho việc áp dụng tiêu chuẩn này. Đối với các tài liệu viện dẫn ghi năm công bố thì áp dụng phiên bản được nêu. Đối với các tài liệu viện dẫn không ghi năm công bố thì áp dụng phiên bản mới nhất, bao gồm cả các sửa đổi, bổ sung (nếu có).

ISO/IEC 15420, *Information technology – Automatic identification and data capture techniques – Bar code symbology specification – EAN/UPC* (Công nghệ thông tin- Nhận dạng tự động và công nghệ chụp dữ liệu- Đặc tả ký hiệu mã vạch)

3 Thuật ngữ và định nghĩa

Trong tiêu chuẩn này, sử dụng các thuật ngữ, định nghĩa dưới đây.

3.1

Chữ số kiểm tra (check digit)

Chữ số bổ sung được sử dụng để kiểm tra tính chính xác của việc gán chỉ số ISMN thông qua mối quan hệ toán học với các con số chứa trong chỉ số này.

3.2

Lần xuất bản (edition)

Tất cả các bản của một nguồn tin âm nhạc ký âm thực chất được sản xuất từ cùng một bản gốc và được phát hành bởi cùng một tổ chức hoặc nhóm các tổ chức hoặc một người.

CHÚ THÍCH: Lần xuất bản bao gồm tài liệu để bán, cho thuê, biểu/tặng hoặc chỉ với mục đích bản quyền.

3.3

Tiền tố ISMN (ISMN prefix)

Tiền tố bao gồm 4 chữ số trong đó phần 3 chữ số đầu là mã số sản phẩm "979" được gán bởi hệ thống nhận dạng sản phẩm toàn cầu GS1 (EAN, UCC trước đây), chữ số thứ tư là 0 và xác định ngẫu nhiên dành cho bản nhạc ký âm.

CHÚ THÍCH: Hội đồng Mã số quốc tế thống nhất về đánh số vật phẩm Châu Âu (EAN.UCC) là họ các tiêu chuẩn của chuỗi cung ứng, trước đây là hệ thống EAN.UCC. Năm 2005, EAN đổi tên thành GS1.

3.4

Nhạc phẩm (item)

Ấn bản của bản nhạc có ký âm, hoặc một thành phần từ đó được cung cấp riêng biệt

3.5

Bản nhạc có ký âm (notated music)

Thể hiện đồ họa của bản nhạc ở bất kỳ định dạng nào

4 Cấu trúc và cú pháp của chỉ số bản nhạc tiêu chuẩn quốc tế (ISMN)

4.1 Cấu trúc và cú pháp của ISMN

Bắt đầu từ 01/01/2008, tất cả ISMN bao gồm một số có 13 chữ số (các số ở rập chỉ có 0-9) tạo thành 4 yếu tố sau đây:

- yếu tố tiền tố 979-0;
- yếu tố nhà xuất bản;
- yếu tố tài liệu;

– chữ số kiểm tra.

VÍ DỤ ISMN 9790345123458

Khi ISMN 13 chữ số được trình bày trong mã vạch trên các ấn phẩm âm nhạc, nó phải tuân thủ các quy định trong ISO/IEC 15420. Ví thể, một ISMN được trình bày trong mã vạch hoàn toàn phù hợp với cấu trúc dữ liệu GS1, bao gồm mã vạch EAN 13.

Thông tin về sự cấp phát và quản lý dãy tiền tố ISMN được nêu trong Tài liệu hướng dẫn người sử dụng ISMN¹.

4.2 Yếu tố tiền tố

Yếu tố đầu tiên của một ISMN 13 chữ số sẽ là một tiền tố 4 chữ số. Ba chữ số đầu của tiền tố ISMN sẽ là "979", tức là tương ứng với mã Bookland trong hệ thống GS1 (xem chú thích). Đoạn chứa "979" cần được tách biệt với chữ số thứ tư (0) của tiền tố ISMN bởi dấu gạch ngang cho mục đích hiển thị.

CHÚ THÍCH Năm 1960, Cơ quan Thảm quyền EAN và Cơ quan ISBN quốc tế thống nhất gán tiền tố ba chữ số đặc biệt cho một nước giả tưởng được gán là "Bookland". Mã nước bằng số "978" và "979" được dành cho "nước" này để mã hóa ISBN. Mã 979 đã được chọn để trình bày mã 13 chữ số.

4.3 Yếu tố nhà xuất bản

Yếu tố thứ hai của ISMN sẽ là yếu tố nhà xuất bản. Độ dài của nó khác nhau giữa các nhà xuất bản tùy theo sản lượng của mỗi nhà xuất bản.

Yếu tố nhà xuất bản sẽ được gán bởi Cơ quan có thẩm quyền đăng ký đối với tiêu chuẩn này.

4.4 Yếu tố nhạc phẩm

Yếu tố thứ ba của ISMN sẽ là yếu tố nhạc phẩm. Yếu tố nhạc phẩm xác định ấn bản hoặc thành phần riêng của một ấn bản (VÍ DỤ: tổng phổ, dàn bè, bộ hơi, phần oboe) theo các đặc tính được xác định trong Phụ lục A. Độ dài của yếu tố nhạc phẩm được xác định bởi độ dài của yếu tố nhà xuất bản đứng trước nó.

Yếu tố nhạc phẩm thường được gán bởi nhà xuất bản ấn phẩm âm nhạc hoặc ấn phẩm âm nhạc có ký âm khác.

4.5 Chữ số kiểm tra

Yếu tố thứ tư và cuối cùng của ISMN sẽ là chữ số kiểm tra.

Chữ số kiểm tra được tính theo mô đun 10 có trọng số theo Phụ lục B.

5 Trình bày và vị trí của ISMN trên bản nhạc có ký âm

5.1 Trình bày

¹ Tài liệu hướng dẫn người sử dụng ISMN có sẵn tại địa chỉ: <http://ismn-international.org/> Xem tài liệu tham khảo [11].

TCVN 11272:2015

Khi một ISMN được trình bày ở dạng đọc bằng mắt thường (tức là hình thức ưu tiên cho việc đọc hoặc viết bởi một người, trái với hình thức ưu tiên để sử dụng bởi thiết bị xử lý dữ liệu, nó phải có các chữ ISMN đứng trước và mỗi yếu tố của ISMN phải được phân cách với các mã số khác bằng một dấu gạch ngang như ví dụ sau đây.

VÍ DỤ ISMN 979-0-123-45678-5

5.2 Vị trí và hiển thị

5.2.1 ISMN sẽ được in trên bìa sau của tài liệu hoặc mặt sau của bìa bọc nếu tài liệu có bìa bọc.

5.2.2 Nếu được, ISMN cần được in cùng với thông báo bản quyền của ấn bản.

5.2.3 Nếu không thể in ISMN ở bất kỳ đâu trong các vị trí này, ISMN sẽ được in ở một vị trí nổi bật nào đó trên tài liệu.

5.2.4 Khi tài liệu là một bản nhạc đơn lẻ, chỉ số ISMN có thể được in ở một vị trí nổi bật duy nhất trên tài liệu.

5.2.5 Nếu tài liệu liên quan đến việc hiển thị nội dung được lưu trữ dưới dạng điện tử (ví dụ một tài liệu trực tuyến), ISMN sẽ xuất hiện trên trang hoặc màn hình hiển thị nhan đề hoặc dạng tương đương của nó (ví dụ màn hình ban đầu được hiển thị khi nội dung này được truy cập lần đầu tiên và/hoặc màn hình chứa thông báo bản quyền).

5.2.6 Mỗi tập của một bộ nhiều tập có thể chứa danh sách tất cả các ISMN liên quan đến mỗi tập riêng biệt và với cả bộ nói chung. Một tài liệu trong một bộ có thể cũng mang danh sách các chỉ số ISMN cho mỗi tài liệu riêng trong bộ.

5.2.7 Khi tài liệu là một hợp tuyển, ISMN của nó cần được phân biệt với ISMN của mỗi bản nhạc riêng lẻ được xuất bản riêng từ hợp tuyển này.

5.2.8 Nếu tài liệu mang một ký hiệu nhận dạng khác cũng như một ISMN, các mã số này có thể được in gần nhau. Mỗi chỉ số chuẩn quốc tế sẽ có một chữ viết tắt đứng trước (ví dụ các chữ cái ISBN, ISSN, ISRN, ISWC hoặc ISMN).

6 Gán chỉ số ISMN

Xem Phụ lục A về các nguyên tắc gán và sử dụng chỉ số ISMN.

7 Quản trị hệ thống ISMN

Hệ thống ISMN sẽ được quản trị bởi Cơ quan đăng ký ISMN.

Các nhiệm vụ chủ yếu của Cơ quan đăng ký ISMN được nêu khái lược trong Phụ lục C.

8 Liên kết chỉ số ISMN với siêu dữ liệu ISMN

Một ISMN sẽ được liên kết với siêu dữ liệu ISMN và được trình bày như trong Phụ lục D. Siêu dữ liệu ISMN được yêu cầu cần đảm bảo xác định duy nhất ấn bản của bản nhạc có ký âm và cần được lưu giữ trong một đăng ký.

Bộ siêu dữ liệu cơ bản cần thiết cho đăng ký một chỉ số ISMN được đưa trong D.2.

9 Hướng dẫn thực hiện đối với ISMN 13 chữ số

Hướng dẫn chuyển đổi chỉ số ISMN 10 chữ số sang ISMN 13 chữ số được đưa trong Phụ lục E.

Phụ lục A

(quy định)

Hướng dẫn gán và sử dụng chỉ số ISMN

A.1 Nguyên tắc chung về việc gán ISMN

A.1.1 Mỗi tác phẩm trong một ấn bản cần được gán một chỉ số ISMN duy nhất (Ví dụ: tổng phổ, dàn bè, bộ hơi, phần oboe)..

A.1.2 Khi tác phẩm là một đoạn trích từ một tác phẩm khác, nó cần được gán chỉ số ISMN riêng.

A.1.3 Mỗi tập trong một bộ nhiều tập sẽ được gán chỉ số ISMN riêng. Cả bộ cũng phải được gán một chỉ số ISMN riêng.

A.1.4 Mỗi phiên bản mới cần được gán một chỉ số ISMN riêng (Ví dụ, sự dịch giọng cho một giọng khác, việc soạn lại cho một phương tiện biểu diễn khác).

A.1.5 Các định dạng khác (Ví dụ, chữ nổi, tài liệu điện tử trực tuyến) sẽ được gán chỉ số ISMN riêng. Mỗi định dạng khác nhau của một tài liệu điện tử (Ví dụ, pdf, html) được cung cấp riêng biệt cần được gán một chỉ số ISMN riêng.

A.1.6 Bất kỳ việc sửa đổi nội dung đáng kể nào của một tài liệu, dù có hay không có thuật ngữ "sửa đổi", tạo thành sự sáng tạo một tài liệu mới (Ví dụ, bổ sung bản dịch của văn bản hoặc của phím/ngón bấm trên bản nhạc piano). Mỗi tài liệu mới cần được gán chỉ số ISMN riêng.

A.1.7 Mỗi thay đổi sau đây của một tài liệu, ngay cả khi nội dung của chính tài liệu không thay đổi, tạo ra sự sáng tạo một tài liệu mới cần được gán chỉ số ISMN riêng.

- a) Nơi có sự thay đổi trên bìa sách (Ví dụ, vải, giấy bọc, gáy xoắn);
- b) Nơi kích thước vật lý của tài liệu có thay đổi đáng kể (Ví dụ, để sản xuất một phiên bản dàn bè hoặc nghiên cứu đầy đủ mới); hoặc
- c) Nơi một tập được chia ra và các phần được cung cấp riêng biệt; hoặc nơi các phần cung cấp riêng biệt được tập hợp tạo thành một tập mới.

A.1.8 Những thay đổi sau đây không phải là sự sáng tạo một tài liệu mới:

- a) Thay đổi thiết kế bìa;
- b) Thay đổi về màu sắc hoặc chênh lệch về lề; hoặc
- c) Thay đổi về giá.

A.1.9 Khi đã được gán, chỉ số ISMN cần không được sử dụng lại, ngay cả khi tài liệu được gán ban đầu từ lâu đã không còn được in nữa.

A.1.10 Về việc gán chỉ số ISMN, Cơ quan đăng ký ISMN sẽ thu thập siêu dữ liệu phù hợp (Xem Phụ lục C).

A.2 Đơn xin cấp ISMN

Chi tiết việc xin cấp ISMN được giải thích trong Tài liệu hướng dẫn người sử dụng² do bởi Cơ quan đăng ký ISMN cung cấp.

² Tài liệu Hướng dẫn người sử dụng ISMN được cung cấp tại địa chỉ <http://ismn-international.org/> Xem tài liệu tham khảo [11]

Phụ lục B

(quy định)

Chữ số kiểm tra cho chỉ số ISMN 13 chữ số**B.1 Tổng quan**

Mục đích của chữ số kiểm tra là để bảo vệ khỏi lỗi do phiên âm ISMN sai.

B.2 Yêu cầu chữ số kiểm tra

Chữ số kiểm tra cho chỉ số ISMN 13 chữ số là 1 ký tự số sử dụng chữ số 0-9. Chữ số kiểm tra này sẽ được hiển thị là ký tự cuối cùng của chuỗi ký tự ISMN.

B.3 Cách tính

Chữ số kiểm tra cho chỉ số ISMN 13 chữ số được tính bằng cách sử dụng thuật toán trọng số sử dụng một số kiểm tra modun 10.

B.4 Trình bày

Khi một chỉ số ISMN được hiển thị dưới dạng đọc bằng mắt thường, sẽ có các chữ ISMN đứng trước. Các dấu gạch ngang được sử dụng để tăng cường khả năng đọc và giúp hiểu rõ hơn cấu trúc bên trong của chỉ số này, những không phải là thành phần tích hợp của chính số đó.

B.5 Ví dụ về việc tính chỉ số ISMN 13 chữ số bằng cách sử dụng thuật toán modun 10

Mỗi một trong nhóm 12 chữ số đầu tiên của chỉ số ISMN thường được nhân với 1 và 3. Chữ số kiểm tra bằng kết quả của 10 trừ đi số dư tìm được trong phép chia tổng các tích có trọng số của 12 chữ số đầu tiên cho 10 với một ngoại lệ. Nếu phép tính này cho kết quả là một số kiểm tra biểu kiến 10, số kiểm tra là 0.

Sử dụng các bước sau đây để tính chữ số kiểm tra cho ISMN 979-0-1100-0222-?

a) Bước 1: Xác định tích các kết quả có trọng số của 12 chữ số đầu tiên trong ISMN (xem Bảng B.1)

Bảng B.1 – Tính chữ số kiểm tra cho chỉ số ISMN

Tham số	Yếu tố tiền tố				Yếu tố nhà xuất bản				Yếu tố tài liệu				Chữ số kiểm tra	Tổng
	9	7	9	0	1	1	0	0	0	2	2	2		
ISMN	9	7	9	0	1	1	0	0	0	2	2	2	?	
Trọng số	1	3	1	3	1	3	1	3	1	3	1	3	--	
Tích số	9	21	9	0	1	3	0	0	0	6	2	6	--	57

b) Bước 2: Chia tổng các tích số có trọng số của 12 chữ số đầu của chỉ số ISMN trong bước 1 cho 10 để tìm số dư.

$$57/10=5 \text{ dư } 7$$

c) Bước 3: lấy 10 trừ số dư tính được ở bước 2. Kết quả của phép trừ là giá trị của chữ số kiểm tra với một ngoại lệ. Nếu số dư ở bước 2 là 10, chữ số kiểm tra là 0.

$$10-7=3$$

Chữ số kiểm tra = 3

ISMN=979-0-01100-0222-3

Công thức toán học sau đây là một phương pháp khác để tính chữ số kiểm tra:

Chữ số kiểm tra = mod 10 {10- [mod 10 (Tổng các tích có trọng số của 12 chữ số đầu tiên của ISMN)]}

Chữ số kiểm tra = mod 10 {10- [mod 10 (57)]}

Chữ số kiểm tra =3

Tổng các tích có trọng số của 12 chữ số đầu tiên của ISMN cộng với chữ số kiểm tra cần phải chia hết cho 10 mà không có số dư được coi là hợp lệ với các ISMN.

CHÚ THÍCH Độ dài của các yếu tố nhà xuất bản và tài liệu thay đổi và có thể không phải luôn giống như ví dụ nêu trong bảng B.1.

Phụ lục C

(quy định)

Quản lý hệ thống ISMN

C.1 Tổng quan

Hệ thống ISMN là một hệ thống quốc tế để xác định duy nhất các ấn phẩm âm nhạc và các ấn phẩm âm nhạc có ký âm tương tự dưới dạng số. Hệ thống ISMN cần được quản trị bởi Cơ quan đăng ký ISMN theo các quy định được nêu trong Điều C.2.

Ban quản lý kỹ thuật của ISO đã bổ nhiệm Cơ quan ISMN quốc tế³ là Cơ quan có thẩm quyền đăng ký ISMN để thực hiện tiêu chuẩn này.

C.2 Cơ quan đăng ký ISMN

Cơ quan ISMN quốc tế cần cung cấp các dịch vụ sau đây:

- a) Thúc đẩy, hợp tác và giám sát hệ thống ISMN tuân thủ các quy định của tiêu chuẩn này và đại diện cho lợi ích của cộng đồng ISMN với các tổ chức liên quan,
- b) Thiết lập một ban cố vấn gồm đại diện và những nhóm người dùng ISMN chính để phát triển các chính sách và thủ tục của hệ thống ISMN,
- c) Xác định các nhóm yếu tố nhà xuất bản cho ISMN và gán chúng,
- d) Xác định quy tắc cho các nhóm yếu tố trong cấu trúc của ISMN và đảm bảo cung cấp một bản đăng ký chính xác và toàn diện theo các quy định này,
- e) Quản lý và duy trì các bản đăng ký ISMN, siêu dữ liệu ISMN và dữ liệu quản lý một cách an toàn,
- f) Phát triển, thực hiện, kiểm soát và thực thi các chính sách và thủ tục quản lý các hoạt động của hệ thống ISMN và quá trình đăng ký ISMN,
- g) Xem xét và giải quyết việc gán trùng chỉ số ISMN,
- h) Chỉnh sửa các mã ISMN và siêu dữ liệu ISMN thiếu chính xác nếu có bằng chứng về sự thiếu chính xác này,

³ Tại thời điểm xuất bản tiêu chuẩn này, Cơ quan có thẩm quyền đăng ký ISMN được lưu giữ bởi:

Cơ quan ISMN quốc tế

Schlosstrasse 50

D-12165 Berlin

Germany

E-Mail : ismn@ismn-international.org

Website: <http://ismn-international.org/>

ISO duy trì CSDL trực tuyến của các cơ quan bảo trì và cơ quan đăng ký liên quan đến các tiêu chuẩn của họ tại địa chỉ: http://www.iso.org/iso/standards_development/maintenance_agencies.htm. Những người dùng được khuyến khích tra cứu địa chỉ này để có thông tin cập nhật nhất liên quan đến các cơ quan bảo trì và cơ quan đăng ký.

- i) Xem xét và quyết định về khiếu nại các quyết định trong các vấn đề như:
 - Từ chối đơn xin cấp ISMN; và
 - Tranh chấp liên quan đến sự phù hợp của việc gán các chỉ số ISMN cho ấn phẩm.
- j) Phát triển, duy trì và cung cấp tư liệu cho người sử dụng hệ thống ISMN.
- k) Phát hành thông báo về việc gán ISMN cho người đăng ký nhạc phẩm.
- l) Biên soạn và duy trì dữ liệu thống kê về các hoạt động liên quan đến ISMN và báo cáo về các hoạt động này hàng năm hoặc thường xuyên hơn.
- m) Thúc đẩy, đào tạo và huấn luyện những người khác sử dụng hệ thống ISMN phù hợp với các quy định của tiêu chuẩn này.
- n) Đảm bảo rằng dịch vụ tiếp tục được cung cấp với việc tuân thủ các chức năng nêu trên.

Phụ lục D

(quy định)

Siêu dữ liệu để đăng ký ISMN**D.1 Tổng quan**

Để cung cấp đủ thông tin phân biệt một thực thể mang ISMN với một thực thể khác, Cơ quan đăng ký ISMN phải đảm bảo rằng cơ quan đăng ký cung cấp một lượng dữ liệu quy định (thông tin mô tả) về xuất bản phẩm được yêu cầu gán ISMN. Cơ quan đăng ký ISMN phải đảm bảo rằng siêu dữ liệu liên kết với mỗi ISMN này được duy trì.

D.2 Bộ siêu dữ liệu tối thiểu cho ISMN

Bộ siêu dữ liệu cơ bản được nêu trong Bảng D.1 chủ yếu được nêu với mục đích minh họa.

Bảng D.1 – Bộ siêu dữ liệu cơ bản để đăng ký ISMN

Yếu tố dữ liệu	Mô tả
ISMN	Được gán bởi Cơ quan đăng ký ISMN
Dạng sản phẩm	Mã hóa cho biết vật mang và/hoặc định dạng của một sản phẩm
Nhan đề	Nhan đề của một ấn phẩm, cùng với phụ đề nếu có
ISWC	Mã tác phẩm âm nhạc chuẩn quốc tế cho nội dung nhạc phẩm khi áp dụng
Nhan đề xêri và đánh số	Khi áp dụng
Người đóng góp	Mã vai trò của người đóng góp và tên người đóng góp
Lần xuất bản	Số lần xuất bản (cho các ấn bản từ thứ hai), dạng và thông tin
Ngôn ngữ văn bản	Nếu áp dụng, theo ISO 639-2/B Mã ngôn ngữ
Thông tin về xuất bản	Nhãn hiệu của xuất bản phẩm (thông tin về nơi xuất bản, nhà xuất bản, năm xuất bản)
Định dạng bản nhạc in	Định dạng một tác phẩm âm nhạc đặc biệt, khác biệt với các định dạng khác của cùng một ấn phẩm (ví dụ, tổng phổ, bản đàn bè và tuyển tập các phần)
Nhà xuất bản	Cá nhân hoặc tổ chức nắm quyền xuất bản tại thời điểm xuất bản
Nước xuất bản	Nếu áp dụng, theo tiêu chuẩn ISO 639-2/B mã nước
Năm xuất bản	Năm xuất bản đầu tiên với ISMN này, nếu áp dụng, theo định dạng của ISO 8601 (YYYY-MM-DD)
Số bản	Khi áp dụng; đặc biệt khi số bản tạo nên một phần của ISMN
ISMN của xuất bản phẩm mẹ	ISMN của xuất bản phẩm mẹ mà xuất bản phẩm này là một phần của nó, khi áp dụng

Phụ lục E

(quy định)

Hướng dẫn thực hiện cho ISMN 13 chữ số

Khi chuyển đổi các chỉ số ISMN định dạng 10 chữ số sang ISMN định dạng 13 chữ số, thay thế ký tự "M" bằng tiền tố của ISMN gồm 4 chữ số 979-0. Không cần tính lại các ISMN vì chữ số kiểm tra luôn giống nhau.

Khi ISMN được trình bày dưới dạng mã vạch, ISMN 13 chữ số tương thích hoàn toàn với cấu trúc dữ liệu GS1 như mã vạch GS1 (EAN. UCC trước đây).

Thư mục tài liệu tham khảo

- [1] ISO 639-2, *Codes for the representation of names of languages – Part 2: Alpha-3 code* (Mã thể hiện tên các ngôn ngữ – Phần 2: Mã alpha 3 chữ số).
- [2] ISO 2108, *Information and documentation – International Standard Book Number (ISBN)* (Thông tin và Tư liệu – Chỉ số sách tiêu chuẩn quốc tế (ISBN)).
- [3] TCVN 7217-1 (ISO 3166-1), *Codes for the representation of names of countries and their subdivisions – Part 1: Country codes*. (Mã thể hiện tên của các nước và các vùng lãnh thổ của chúng – Phần 1: Mã nước).
- [4] TCVN 6381 (ISO 3297), *Information and documentation – International standard serial number (ISSN)*. (Thông tin và Tư liệu – Mã số tiêu chuẩn quốc tế cho xuất bản phẩm nhiều kỳ (ISSN)).
- [5] TCVN 11271 (ISO 3901), *Information and documentation – International Standard Recording Code (ISRC)* (Thông tin và Tư liệu – Mã số tiêu chuẩn quốc tế cho tư liệu ghi âm (ISRC)).
- [6] ISO/IEC 7064, *Information technology – Security techniques – Check character systems* (Công nghệ thông tin – Kỹ thuật an toàn – Các hệ thống ký tự kiểm tra).
- [7] ISO 8601, *Data elements and interchange formats – Information interchange – Representation of dates and times* (Các yếu tố dữ liệu và định dạng trao đổi – Trao đổi thông tin – Thể hiện ngày tháng và thời gian).
- [8] ISO 15706 (all parts), *Information and documentation – International Standard Audiovisual Number (ISAN)* (ISO 15706 (tất cả các phần), Thông tin và Tư liệu – Chỉ số tiêu chuẩn quốc tế cho tư liệu nghe nhìn (ISAN)).
- [9] ISO 15707, *Information and documentation – International Standard Musical Work Code (ISWC)* (Thông tin và Tư liệu – Mã số tiêu chuẩn quốc tế cho tác phẩm âm nhạc (ISWC)).
- [10] ISO 21047, *Information and documentation – International Standard Text Code (ISTC)* (Thông tin và Tư liệu – Mã tiêu chuẩn quốc tế cho văn bản (ISTC)).
- [11] Hướng dẫn người sử dụng ISMN, Cơ quan ISMN quốc tế, có sẵn tại địa chỉ <http://ismn-international.org/>
-